

**Quỹ Đầu tư Trái phiếu
Phát triển Việt Nam VCAM-NH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 9
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	13
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	16
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	17
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	18 - 19
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	20 - 57

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 150.446.710.700 đồng, tương đương với 15.044.671,07 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Lan	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên độc lập	Ngày 22 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hop, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

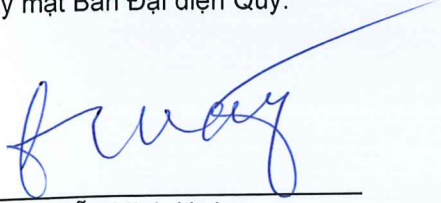
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:


Ông Nguyễn Minh Hoàng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ là 3,35% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 168.365.803.137 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 15.044.671,07 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).

Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
Cơ cấu tài sản quỹ		
Trái phiếu	85,12	42,99
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	11,73	40,75
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,07	6,94
Chứng chỉ tiền gửi	-	6,30
Tài sản khác	3,08	3,02
Cộng	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	168.365.803.137	158.506.501.305
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	15.044.671,07	15.158.456,74
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11.191,05	10.456,63
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.191,05	10.456,63
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.761,70	10.108,99
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (*)	7,02	3,45
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (*)	8,80	Không áp dụng
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	(1,78)	Không áp dụng
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (b)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,55	1,57
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	0,55	0,31

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

(*) Các số liệu tăng trưởng được tính cho giai đoạn 1 năm đến ngày báo cáo (từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6).

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ (%)</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ hằng năm (%)</i>
1 năm	7,02	7,02
Từ khi thành lập	11,91	6,55

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

GDP 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn năm 2020 đến 2024.

Sản xuất công nghiệp tăng tốc trước sự gia tăng đơn đặt hàng mới

Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,67%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm ước tăng 14,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ngành chế biến, chế tạo tăng 14,45%, đóng góp 14,01 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,38%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,51%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 18,32%, làm giảm 0,06 điểm phần trăm.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng mạnh lên 54,7 điểm trong tháng 6, so với mức 50,3 điểm của tháng 4 và tháng 5. Kết quả chỉ số không chỉ cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện tháng thứ ba liên tiếp, mà còn cho thấy các điều kiện kinh doanh đã mạnh lên đáng kể.

Xuất nhập khẩu trên đà phục hồi

Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,5%; nhập khẩu tăng 17%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,63 tỷ USD.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa sáu tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 54,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 67 tỷ USD.

Nguồn vốn FDI giải ngân cao

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát trong tầm kiểm soát

Bình quân sáu tháng đầu năm 2024, CPI tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân sáu tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,75% so với cùng kỳ năm 2023.

Chính sách tiền tệ linh hoạt

Trong sáu tháng đầu năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng ("TCTD") tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, điều hành hài hòa giữa lãi suất và tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô và mục tiêu chính sách tiền tệ; đồng thời chỉ đạo tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay.

Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp, đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đến ngày 25/6/2024, tỷ giá trung tâm ở mức 24.253 VND/USD, tăng 1,62% so với thời điểm cuối năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, có 102 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 104.109 tỷ đồng và 10 đợt phát hành ra công chúng trị giá 11.378 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm ngoái, giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm tăng 71%. Phần lớn trái phiếu được phát hành thuộc nhóm Ngân hàng với 67.596 tỷ đồng, chiếm 65% tổng giá trị phát hành. Bất động sản là nhóm có giá trị phát hành lớn thứ hai, đạt 20.250 tỷ đồng, tương đương 19% tổng giá trị phát hành.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, các doanh nghiệp thực hiện mua lại 64.496 tỷ đồng. Trong đó phần lớn trái phiếu mua lại thuộc nhóm ngành Ngân hàng với 37.178 tỷ đồng chiếm 58% tổng giá trị mua lại, tiếp theo là nhóm ngành Bất động sản và Sản xuất lần lượt là 11.277 tỷ đồng và 9.220 tỷ đồng tương đương với 18% và 14% tổng giá trị mua lại. Trong nửa cuối năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 139.765 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 58.782 tỷ đồng, tương đương 42%.

3. Thị trường quỹ mở trái phiếu

Do mặt bằng chung lãi suất tiền gửi tiết kiệm 6 tháng đầu năm 2024 thấp hơn lãi suất bình quân năm 2023 nên kết quả hoạt động của các quỹ mở trái phiếu cũng giảm so với cùng kỳ, tăng trưởng NAV/chứng chỉ quỹ dao động từ 3% đến 4% kể từ đầu năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(1,78)	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	8,80	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,02	11,91
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	7,02	6,55

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

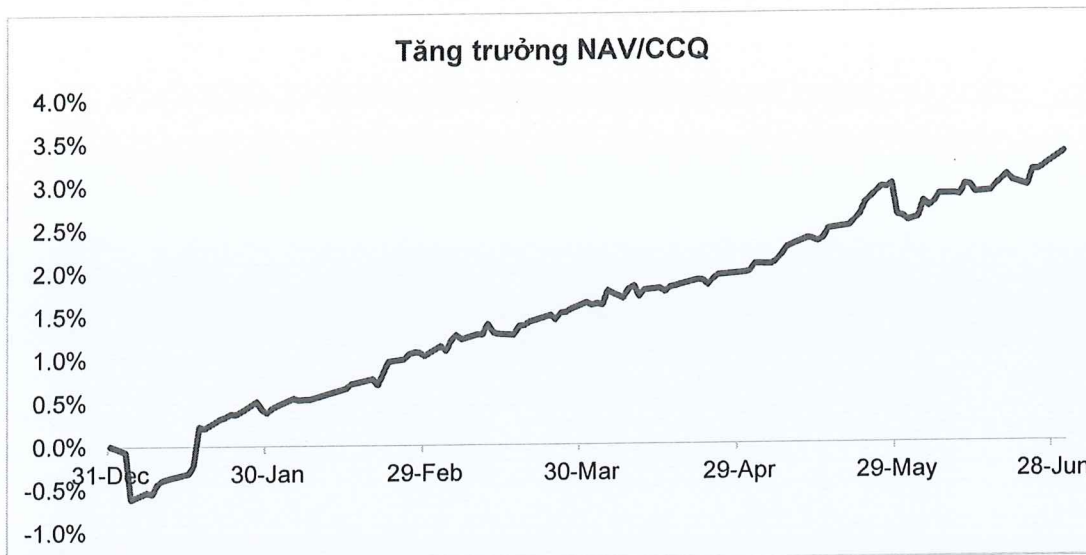
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	168.365.803.137	164.329.780.895	2,46
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	11.191,05	10.828,29	3,35

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ của Quỹ:



2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	192	69.544,91	0,46
Từ 5.000 đến 10.000	2	11.206,56	0,07
Từ 10.000 đến 50.000	5	61.951,89	0,41
Từ 50.000 đến 500.000	1	96.578,29	0,64
Trên 500.000	2	14.805.389,42	98,42
Tổng cộng	202	15.044.671,07	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ cải thiện trong các quý tới nhờ nhiều yếu tố hỗ trợ tích cực từ vĩ mô, chính sách tiền tệ linh hoạt cùng các quy định pháp lý rõ ràng hơn.

Vĩ mô lấy lại đà tăng trưởng sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh:

GDP quý II/2024 đạt 6,93%, mức tăng trưởng cao thứ hai trong 4 năm với xuất khẩu trên đà hồi phục.

Lãi suất tăng:

Lãi suất kỳ vọng tạo đáy trong nửa đầu năm 2024, từ đó việc lợi nhuận thu được từ trái phiếu doanh nghiệp sẽ được cải thiện do phần lớn các trái phiếu hiện nay đều quy định lãi suất trái phiếu dựa trên lãi suất tham chiếu là lãi suất tiền gửi ngân hàng cộng biên độ.

Nâng cao tính thanh khoản thị trường:

HNX đang thực hiện giai đoạn 2 của thị trường riêng lẻ, hoàn thành trong năm 2024, cung cấp kênh kết nối trực tuyến công ty chứng khoán, thêm dịch vụ mới cho nhà đầu tư.

Ngành Bất động sản đã bước qua giai đoạn khó khăn nhất, dần phục hồi từ năm 2024.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và Mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Hoàng Ngọc Anh

Số tham chiếu: 13169814/67854166-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 13 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

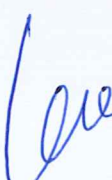
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.820.538.391	6.486.819.462
02	1.1 Trái tức được chia		5.550.275.561	2.936.988.628
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	1.028.897.493	3.392.471.474
04	1.3 (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	13	(195.997.036)	106.113.211
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	437.307.578	51.176.969
08	1.5 Doanh thu khác về đầu tư		54.795	69.180
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		25.275.893	11.812.985
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	25.275.893	11.812.985
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.271.411.861	1.205.979.027
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	22.1	832.911.240	769.674.046
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	15	91.152.832	90.511.377
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	22.2	46.200.000	46.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	22.2	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.7	3.7 Chi phí hợp, Đại hội Quỹ mở		4.050.000	-
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		59.672.156	59.506.851
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	16	59.225.633	61.886.753
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		5.523.850.637	5.269.027.450
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		5.523.850.637	5.269.027.450
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		5.086.543.059	5.217.850.481
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	437.307.578	51.176.969
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		5.523.850.637	5.269.027.450


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hạp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	115.599.451	12.003.453.457
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		115.599.451	12.003.453.457
120	2. Các khoản đầu tư thuần		163.510.079.098	147.536.336.723
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	163.510.079.098	147.536.336.723
130	3. Các khoản phải thu		5.204.680.179	5.072.135.952
133	3.1 Phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư		5.204.680.179	5.072.135.952
136	3.1.1 Dự thu trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	5.204.680.179	5.072.135.952
100	TỔNG TÀI SẢN		168.830.358.728	164.611.926.132
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	7	33.340.898	469.182
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.012.381	901.997
316	3. Chi phí phải trả	8	83.972.156	89.300.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.000.187	187
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		990.906	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	9	335.266.430	191.473.871
320	7. Phải trả, phải nộp khác		4.972.633	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		464.555.591	282.145.237
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		168.365.803.137	164.329.780.895
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		150.446.710.700	151.759.670.800
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	155.519.793.900	151.811.059.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(5.073.083.200)	(51.388.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(169.662.294)	5.206.001
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	18.088.754.731	12.564.904.094
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	10	11.191,05	10.828,29

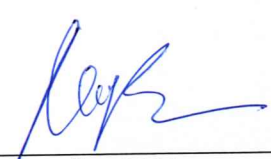
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	18	15.044.671,07	15.175.967,08


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

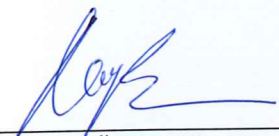
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

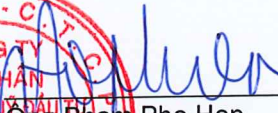
B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ	164.329.780.895	152.190.430.191
II	Thay đổi NAV trong kỳ	5.523.850.637	5.269.027.450
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	5.523.850.637	5.269.027.450
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(1.487.828.395)	1.047.043.664
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	4.054.650.292	1.054.302.000
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(5.542.478.687)	(7.258.336)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	168.365.803.137	158.506.501.305


 Bà Nguyễn Thị Nhung
 Kế toán quỹ


 Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán Trưởng




 Ông Phạm Pho Hop
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ (%)
I	Trái phiếu			143.710.079.098	85,12
1	Trái phiếu niêm yết			128.708.638.006	76,23
1.1	- BAF122029	60.000	99.307,247	5.958.434.795	3,52
1.2	- BAF123020	48.000	101.841,403	4.888.387.368	2,90
1.3	- CII121029	100.000	99.101,795	9.910.179.453	5,87
1.4	- CTD122015	5	1.007.863.258,521	5.039.316.293	2,98
1.5	- CTG121030	155.600	99.949,715	15.552.175.726	9,21
1.6	- CTG121031	140.000	100.660,376	14.092.452.602	8,35
1.7	- GEG121022	129.700	101.343,757	13.144.285.238	7,79
1.8	- LPB121036	30.000	100.664,616	3.019.938.493	1,79
1.9	- MSN123008	250.000	100.421,224	25.105.305.990	14,87
1.10	- TNG122017	70.000	98.405,667	6.888.396.712	4,08
1.11	- VBA122001	104.919	96.799,623	10.156.119.694	6,02
1.12	- VHM121024	50.000	100.734,837	5.036.741.842	2,98
1.13	- VHM121025	50.000	96.300,041	4.815.002.055	2,85
1.14	- VRE12007	50.000	102.038,035	5.101.901.745	3,02
2	Trái phiếu chưa niêm yết			15.001.441.092	8,89
2.1	- Trái phiếu Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PC1 ("PC112201")	80	100.018.013	8.001.441.069	4,74
2.2	- Trái phiếu Công Ty Cổ Phần Thành -Thành Công-Biên Hòa ("SBTH2427001")	70	100.000.000	7.000.000.023	4,15
II	Các tài sản khác			5.204.680.179	3,08
1	Dự thu lãi trái phiếu			4.414.777.126	2,61
2	Dự thu lãi tiền gửi			789.903.053	0,47
III	Tiền			19.915.599.451	11,80
1	Tiền gửi ngân hàng			19.915.599.451	11,80
1.1	- Tiền gửi thanh toán			115.599.451	0,07
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			19.800.000.000	11,73
IV	Tổng giá trị danh mục			168.830.358.728	100,00

Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		5.523.850.637	5.269.027.450
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(442.635.422)	(51.670.118)
03	Trong đó:			
04	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(437.307.578)	(51.176.969)
04	Chi phí trích trước		(5.327.844)	(493.149)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		5.081.215.215	5.217.357.332
20	Tăng các khoản đầu tư		(15.536.434.797)	(27.794.155.445)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(132.544.227)	(2.752.734.802)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		32.871.716	2.631.237
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.110.384	1.997
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.000.000	5.000.000
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		990.906	-
16	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		4.972.633	(41.115)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		143.792.559	1.079.948
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.400.025.611)	(25.320.860.848)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	4.054.650.292	1.054.302.000
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(5.542.478.687)	(7.258.336)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(1.487.828.395)	1.047.043.664
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(11.887.854.006)	(24.273.817.184)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		12.003.453.457	35.301.202.963
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		12.003.453.457	35.301.202.963
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		12.003.452.536	35.301.202.963
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		12.003.452.536	10.114.469.242
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	25.186.733.721
53	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		921	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	115.599.451	11.027.385.779
56	- Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		115.599.451	11.027.385.779
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		114.599.451	11.022.385.779
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		114.599.451	11.022.385.779
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.000.000	5.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(11.887.854.006)	(24.273.817.184)


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng




Ông Phạm Phú Hòp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 149/GCN-UBCK ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 51/GCN-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 40/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Tầng 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ Quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 12.566.188,87 chứng chỉ với tổng giá trị là 125.661.888.700 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 150.446.710.700 đồng, tương đương với 15.044.671,07 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống "Top-Down Approach", trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên "Bottom-Up Approach" trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hằng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Quỹ sẽ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (b), (c), (d), (e) và (h) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5. *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác.	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. Ghi chú: (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom.	- Giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. - Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch Chứng khoán: giá được xác định là như định giá "Cổ phần và phần vốn góp khác" bên dưới. - Đối với Chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch: + Từ thời điểm Quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của Chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là Giá mua Chứng chỉ quỹ đó. - Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của Chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày định giá gần nhất của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch	- Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch trong vòng 15 ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc Giá thanh toán cuối ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp Chứng khoán phái sinh niêm yết tại Ngày giao dịch cuối cùng và chuẩn bị hủy niêm yết, giá được xác định là Giá thanh toán cuối cùng do VSD xác định.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá đóng cửa của tài sản/công cụ cơ sở; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí dịch vụ quản lý, phí dịch vụ giám sát, phí dịch vụ lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hai (2) số thập phân.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Phí dịch vụ quản lý quỹ

Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 thì phí dịch vụ quản lý quỹ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ. Theo đó, phí dịch vụ quản lý quỹ là 1% (một phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản lý Quỹ được tính (trích lập) cho các Ngày định giá thực hiện trong tháng và được trả cho Công ty quản lý quỹ trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

3.8.2 Phí dịch vụ quản trị quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1.000.000 đồng trên một lần lập danh sách. Phí có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Phí dịch vụ giám sát

Phí dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Phí dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 7.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phẩy không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức phí dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 15.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư, Công văn số 741/CCTQ3-TTHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc trả lời công văn số 22/2022/CV-VCAM ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt về chính sách thuế.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ (tiếp theo)

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	114.599.451	12.003.452.536
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.000.000	921
	115.599.451	12.003.453.457

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	128.280.487.400	128.708.638.006	428.150.606	-	428.150.606	128.708.638.006
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	15.001.441.092	15.001.441.092	-	-	-	15.001.441.092
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng (c)	19.800.000.000	19.800.000.000	-	-	-	19.800.000.000
	163.081.928.492	163.510.079.098	428.150.606	-	428.150.606	163.510.079.098
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	96.843.512.225	96.834.355.253	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	96.834.355.253
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	11.001.981.470	11.001.981.470	-	-	-	11.001.981.470
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	39.700.000.000	39.700.000.000	-	-	-	39.700.000.000
	147.545.493.695	147.536.336.723	283.408.478	(292.565.450)	(9.156.972)	147.536.336.723

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

437.307.578

- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinhomes và Công ty Cổ phần Vincom Retail phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi suất từ 6,15%/năm đến 12,78%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm/lần.
- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 phát hành có kỳ hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm trả lãi định kỳ 6 tháng/lần và Trái phiếu Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa có kỳ hạn 3 năm, lãi suất 11%/năm và trả lãi định kỳ 6 tháng/lần.
- Tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt có lãi suất lần lượt là 3,3%/năm và 7,60%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU TRÁI TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	4.414.777.126	2.740.240.072
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	789.903.053	2.331.895.880
	5.204.680.179	5.072.135.952

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VỀ MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty quản lý Quỹ	32.224.618	108.186
Đại lý phân phối	1.116.280	360.996
	33.340.898	469.182

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí kiểm toán	59.672.156	65.000.000
Thù lao ban đại diện quỹ	24.300.000	24.300.000
	83.972.156	89.300.000

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	282.866.430	139.073.871
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000
	335.266.430	191.473.871

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	15.181.105,90	370.873,49	15.551.979,39
Giá trị ghi theo mệnh giá	151.811.059.000	3.708.734.900	155.519.793.900
Thặng dư vốn	7.887.780	345.915.392	353.803.172
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	151.818.946.780	4.054.650.292	155.873.597.072
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(5.138,82)	(502.169,50)	(507.308,32)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(51.388.200)	(5.021.695.000)	(5.073.083.200)
Thặng dư vốn	(2.681.779)	(520.783.687)	(523.465.466)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(54.069.979)	(5.542.478.687)	(5.596.548.666)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	15.175.967,08	(131.296,01)	15.044.671,07
Giá trị vốn góp hiện hành	151.764.876.801	(1.487.828.395)	150.277.048.406
Lợi nhuận chưa phân phối	12.564.904.094	5.523.850.637	18.088.754.731
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	164.329.780.895		168.365.803.137
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.828,29		11.191,05

11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	12.564.904.094	1.659.139.797
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	5.523.850.637	10.905.764.297
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	5.086.543.059	10.914.261.217
- Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	437.307.578	(8.496.920)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	18.088.754.731	12.564.904.094

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

12. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.017.340.872	2.738.370.794
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	11.556.621	9.717.167
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	644.383.513
	1.028.897.493	3.392.471.474

13. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Tổng giá trị bán/ đáo hạn trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	39.673.123.288	39.947.797.594	(274.674.306)
Trái phiếu chưa niêm yết	3.079.217.671	3.000.540.401	78.677.270
	42.752.340.959	42.948.337.995	(195.997.036)
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Tổng giá trị bán/ đáo hạn trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	21.435.700.000	21.441.948.787	(6.248.787)
Trái phiếu chưa niêm yết	4.400.000.000	4.500.834.740	(100.834.740)
Chứng chỉ tiền gửi	35.000.000.000	34.786.803.262	213.196.738
	60.835.700.000	60.729.586.789	106.113.211

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	11.872.534	7.741.990
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.714.329	4.070.995
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	4.689.030	-
	25.275.893	11.812.985

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam	Không liên quan	64.722.100.000	86.178.194.000	75,10	0,015 - 0,1	0,0 - 0,5
2	Công ty cổ phần chứng khoán ASAM	Không liên quan	18.365.884.000	86.178.194.000	21,31	0,020	0,0 - 0,5
3	Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Pinetree	Không liên quan	3.090.210.000	86.178.194.000	3,59	0,015	0,0 - 0,5
Tổng			86.178.194.000		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn trái phiếu riêng lẻ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) / (5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán ASAM	Không liên quan	28.441.304.700	38.709.950.590	73,47	0,020	0,00 - 0,45
2	Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	10.268.645.890	38.709.950.590	26,53	0,020	0,00 - 0,45
Tổng			38.709.950.590		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ có tính đến toàn bộ bao dịch của trái phiếu niêm yết.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Phí dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở trả cho Tổng Công Ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam	1.152.832	511.377
	91.152.832	90.511.377

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	54.000.000	54.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.972.633	4.958.885
Phí ngân hàng	253.000	2.817.868
Phí khác	-	110.000
	59.225.633	61.886.753

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31/12/2023	164.329.780.895	15.175.967,08	10.828,29	-
2	01/01/2024	164.299.473.883	15.175.967,08	10.826,29	(2,00)
3	02/01/2024	164.257.894.108	15.175.967,08	10.823,55	(2,74)
4	03/01/2024	164.215.186.889	15.176.290,09	10.820,50	(3,05)
5	04/01/2024	163.320.613.566	15.176.097,77	10.761,70	(58,80)
6	07/01/2024	163.451.736.478	15.176.097,77	10.770,34	8,64
7	08/01/2024	163.416.879.182	15.176.097,77	10.768,04	(2,30)
8	09/01/2024	163.610.581.853	15.176.836,98	10.780,28	12,24
9	10/01/2024	163.677.848.220	15.176.366,88	10.785,04	4,76
10	11/01/2024	163.718.684.979	15.176.551,58	10.787,60	2,56
11	14/01/2024	163.790.001.653	15.176.551,58	10.792,30	4,70
12	15/01/2024	163.805.857.303	15.176.551,58	10.793,35	1,05
13	16/01/2024	163.967.359.812	15.176.365,52	10.804,12	10,77
14	17/01/2024	164.719.844.318	15.178.207,40	10.852,39	48,27
15	18/01/2024	164.690.348.000	15.178.299,08	10.850,38	(2,01)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCam-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
16	21/01/2024	164.863.989.662	15.178.390,78	10.861,75	11,37
17	22/01/2024	164.900.253.172	15.178.390,78	10.864,14	2,39
18	23/01/2024	164.955.387.964	15.178.298,75	10.867,84	3,70
19	24/01/2024	164.951.692.507	15.178.298,75	10.867,60	(0,24)
20	25/01/2024	165.006.680.366	15.178.298,75	10.871,22	3,62
21	28/01/2024	165.191.919.959	15.178.388,24	10.883,36	12,14
22	29/01/2024	162.999.182.588	14.990.388,24	10.873,57	(9,79)
23	30/01/2024	162.933.600.904	14.990.288,30	10.869,27	(4,30)
24	31/01/2024	163.035.054.524	14.990.885,46	10.875,61	6,34
25	01/02/2024	163.080.647.807	14.990.884,94	10.878,65	3,04
26	04/02/2024	163.217.009.810	14.991.433,71	10.887,35	8,70
27	05/02/2024	163.183.655.674	14.991.799,27	10.884,86	(2,49)
28	06/02/2024	163.199.377.834	14.991.661,96	10.886,00	1,14
29	07/02/2024	163.198.051.173	14.991.661,96	10.885,92	(0,08)
30	14/02/2024	163.403.307.721	14.991.661,96	10.899,61	13,69
31	15/02/2024	163.483.863.558	14.991.661,96	10.904,98	5,37
32	18/02/2024	163.569.788.713	14.993.213,06	10.909,58	4,60
33	19/02/2024	166.579.851.623	15.267.076,60	10.911,05	1,47
34	20/02/2024	166.464.406.351	15.267.076,60	10.903,48	(7,57)
35	21/02/2024	166.680.485.886	15.267.350,36	10.917,44	13,96
36	22/02/2024	166.914.596.567	15.267.714,90	10.932,51	15,07
37	25/02/2024	166.963.955.047	15.268.215,46	10.935,39	2,88
38	26/02/2024	167.060.767.961	15.267.715,46	10.942,09	6,70
39	27/02/2024	167.098.068.567	15.267.897,32	10.944,40	2,31
40	28/02/2024	167.090.285.668	15.268.079,14	10.943,76	(0,64)
41	29/02/2024	167.037.591.631	15.268.711,75	10.939,86	(3,90)
42	03/03/2024	167.224.729.448	15.268.984,78	10.951,92	12,06
43	04/03/2024	167.238.668.934	15.278.413,29	10.946,07	(5,85)
44	05/03/2024	167.416.268.599	15.277.925,54	10.958,04	11,97
45	06/03/2024	167.733.797.967	15.296.311,53	10.965,63	7,59
46	07/03/2024	167.649.569.771	15.296.026,37	10.960,33	(5,30)
47	10/03/2024	167.742.940.615	15.296.117,15	10.966,37	6,04
48	11/03/2024	167.736.886.543	15.296.362,12	10.965,80	(0,57)
49	12/03/2024	167.945.558.630	15.296.903,37	10.979,05	13,25
50	13/03/2024	167.793.309.936	15.297.084,61	10.968,97	(10,08)
51	14/03/2024	167.755.234.369	15.296.903,15	10.966,61	(2,36)
52	17/03/2024	167.739.229.971	15.296.993,87	10.965,50	(1,11)
53	18/03/2024	167.905.772.194	15.296.616,72	10.976,66	11,16
54	19/03/2024	167.859.636.355	15.291.073,13	10.977,62	0,96
55	20/03/2024	167.935.007.406	15.291.979,51	10.981,90	4,28
56	21/03/2024	167.966.252.948	15.292.115,41	10.983,84	1,94
57	24/03/2024	168.048.897.083	15.291.317,70	10.989,82	5,98
58	25/03/2024	167.964.612.856	15.291.408,23	10.984,24	(5,58)
59	26/03/2024	168.093.025.826	15.291.408,23	10.992,64	8,40
60	27/03/2024	168.154.216.475	15.296.009,27	10.993,33	0,69
61	28/03/2024	168.216.438.362	15.296.099,77	10.997,34	4,01
62	31/03/2024	168.354.399.792	15.297.547,34	11.005,31	7,97

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCam-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
63	01/04/2024	168.456.930.607	15.311.199,38	11.002,20	(3,11)
64	02/04/2024	168.540.023.500	15.316.043,79	11.004,14	1,94
65	03/04/2024	168.367.007.455	15.302.482,16	11.002,59	(1,55)
66	04/04/2024	168.637.284.728	15.302.572,59	11.020,19	17,60
67	07/04/2024	168.489.911.424	15.302.662,87	11.010,49	(9,70)
68	08/04/2024	168.666.614.322	15.302.847,40	11.021,91	11,42
69	09/04/2024	168.723.023.592	15.302.404,08	11.025,91	4,00
70	10/04/2024	168.520.531.938	15.302.539,44	11.012,58	(13,33)
71	11/04/2024	168.639.222.883	15.302.085,76	11.020,66	8,08
72	14/04/2024	168.669.424.125	15.302.076,04	11.022,64	1,98
73	15/04/2024	168.609.281.898	15.301.939,84	11.018,81	(3,83)
74	16/04/2024	168.751.266.819	15.307.357,84	11.024,19	5,38
75	17/04/2024	168.780.451.327	15.307.357,84	11.026,09	1,90
76	18/04/2024	168.806.317.046	15.307.357,84	11.027,78	1,69
77	21/04/2024	168.888.989.428	15.307.357,84	11.033,19	5,41
78	22/04/2024	168.879.952.122	15.307.357,84	11.032,59	(0,60)
79	23/04/2024	168.790.418.433	15.307.357,84	11.026,75	(5,84)
80	24/04/2024	168.897.078.166	15.307.357,84	11.033,71	6,96
81	25/04/2024	168.978.535.612	15.307.357,84	11.039,04	5,33
82	30/04/2024	169.031.687.617	15.307.988,76	11.042,05	3,01
83	01/05/2024	169.058.489.181	15.307.988,76	11.043,80	1,75
84	02/05/2024	169.190.482.392	15.307.478,85	11.052,79	8,99
85	05/05/2024	169.184.262.871	15.307.568,87	11.052,32	(0,47)
86	06/05/2024	169.400.342.734	15.322.063,08	11.055,97	3,65
87	07/05/2024	169.521.162.724	15.321.791,24	11.064,05	8,08
88	08/05/2024	169.667.072.441	15.321.988,04	11.073,43	9,38
89	09/05/2024	169.711.689.483	15.322.077,89	11.076,28	2,85
90	12/05/2024	169.843.749.431	15.322.077,89	11.084,90	8,62
91	13/05/2024	169.821.165.936	15.322.077,89	11.083,42	(1,48)
92	14/05/2024	169.782.472.286	15.322.077,89	11.080,90	(2,52)
93	15/05/2024	169.843.010.068	15.322.287,97	11.084,70	3,80
94	16/05/2024	170.024.286.996	15.322.377,73	11.096,46	11,76
95	19/05/2024	170.062.526.699	15.322.196,77	11.099,09	2,63
96	20/05/2024	170.073.247.434	15.322.096,77	11.099,86	0,77
97	21/05/2024	170.193.595.045	15.323.163,80	11.106,94	7,08
98	22/05/2024	170.304.910.041	15.323.163,80	11.114,21	7,27
99	23/05/2024	170.528.117.112	15.323.163,80	11.128,77	14,56
100	26/05/2024	170.848.777.233	15.324.951,94	11.148,40	19,63
101	27/05/2024	170.846.601.776	15.325.504,31	11.147,86	(0,54)
102	28/05/2024	170.920.099.999	15.326.039,82	11.152,26	4,40
103	29/05/2024	170.314.268.067	15.326.039,82	11.112,73	(39,53)
104	30/05/2024	170.295.389.747	15.326.039,82	11.111,50	(1,23)
105	31/05/2024	170.222.855.684	15.327.288,46	11.105,86	(5,64)
106	02/06/2024	170.284.740.524	15.327.288,46	11.109,90	4,04
107	03/06/2024	170.591.096.532	15.327.378,01	11.129,82	19,92
108	04/06/2024	170.484.729.194	15.326.848,82	11.123,27	(6,55)
109	05/06/2024	170.564.045.731	15.326.848,82	11.128,44	5,17
110	06/06/2024	170.728.646.383	15.327.206,46	11.138,92	10,48
111	09/06/2024	170.715.927.458	15.326.532,43	11.138,58	(0,34)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCam-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
112	10/06/2024	170.698.665.309	15.326.621,75	11.137,39	(1,19)
113	11/06/2024	170.904.815.839	15.326.708,35	11.150,78	13,39
114	12/06/2024	170.888.548.101	15.326.797,58	11.149,65	(1,13)
115	13/06/2024	170.746.467.936	15.326.797,58	11.140,38	(9,27)
116	16/06/2024	170.773.760.683	15.326.976,20	11.142,03	1,65
117	17/06/2024	167.854.559.185	15.054.435,08	11.149,84	7,81
118	18/06/2024	167.931.621.967	15.053.864,36	11.155,38	5,54
119	19/06/2024	167.934.093.485	15.044.868,39	11.162,21	6,83
120	20/06/2024	167.825.521.855	15.044.957,53	11.154,93	(7,28)
121	23/06/2024	167.729.997.493	15.044.957,53	11.148,58	(6,35)
122	24/06/2024	168.006.728.327	15.043.068,66	11.168,38	19,80
123	25/06/2024	168.009.929.159	15.043.425,02	11.168,32	(0,06)
124	26/06/2024	168.071.314.170	15.043.870,47	11.172,07	3,75
125	27/06/2024	168.149.920.989	15.043.959,53	11.177,23	5,16
126	30/06/2024	168.365.803.137	15.044.671,07	11.191,05	13,82

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 167.580.189.596

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất 58,80

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất 0,06

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
1	31/12/2022	152.190.430.191	15.056.943,98	10.107,65	-
2	02/01/2023	152.236.217.688	15.056.943,98	10.110,69	3,04
3	03/01/2023	152.210.642.268	15.056.943,98	10.108,99	(1,70)
4	04/01/2023	152.221.752.492	15.056.943,98	10.109,73	0,74
5	05/01/2023	152.245.786.332	15.056.943,98	10.111,33	1,60
6	08/01/2023	152.299.672.864	15.056.943,98	10.114,91	3,58
7	09/01/2023	152.313.022.777	15.056.943,98	10.115,79	0,88
8	10/01/2023	152.310.399.536	15.056.943,98	10.115,62	(0,17)
9	11/01/2023	152.416.340.084	15.056.943,98	10.122,66	7,04
10	12/01/2023	152.424.207.870	15.056.943,98	10.123,18	0,52
11	15/01/2023	152.505.325.043	15.056.943,98	10.128,57	5,39
12	16/01/2023	152.550.483.303	15.056.943,98	10.131,57	3,00
13	17/01/2023	152.710.129.183	15.056.943,98	10.142,17	10,60
14	18/01/2023	152.756.352.744	15.056.943,98	10.145,24	3,07
15	25/01/2023	152.901.997.195	15.056.943,98	10.154,91	9,67
16	26/01/2023	152.927.293.941	15.056.943,98	10.156,59	1,68
17	29/01/2023	153.202.881.033	15.056.943,98	10.174,89	18,30
18	30/01/2023	153.132.121.429	15.056.943,98	10.170,19	(4,70)
19	31/01/2023	153.124.467.272	15.056.943,98	10.169,69	(0,50)
20	01/02/2023	153.111.086.917	15.056.943,98	10.168,80	(0,89)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
21	02/02/2023	153.256.528.375	15.056.943,98	10.178,46	9,66
22	05/02/2023	153.353.005.741	15.056.943,98	10.184,86	6,40
23	06/02/2023	153.376.679.012	15.056.943,98	10.186,44	1,58
24	07/02/2023	153.403.257.616	15.056.943,98	10.188,20	1,76
25	08/02/2023	153.402.460.381	15.056.943,98	10.188,15	(0,05)
26	09/02/2023	153.456.443.331	15.056.943,98	10.191,73	3,58
27	12/02/2023	153.532.108.411	15.056.943,98	10.196,76	5,03
28	13/02/2023	153.560.117.037	15.056.943,98	10.198,62	1,86
29	14/02/2023	153.592.116.583	15.056.943,98	10.200,74	2,12
30	15/02/2023	153.599.924.407	15.056.943,98	10.201,26	0,52
31	16/02/2023	153.597.382.207	15.056.943,98	10.201,09	(0,17)
32	19/02/2023	153.617.571.112	15.056.943,98	10.202,44	1,35
33	20/02/2023	153.718.498.004	15.056.943,98	10.209,14	6,70
34	21/02/2023	153.723.639.562	15.056.943,98	10.209,48	0,34
35	22/02/2023	153.768.432.003	15.056.943,98	10.212,45	2,97
36	23/02/2023	153.777.166.114	15.056.943,98	10.213,03	0,58
37	26/02/2023	153.856.785.196	15.056.943,98	10.218,32	5,29
38	27/02/2023	153.865.642.948	15.056.943,98	10.218,91	0,59
39	28/02/2023	153.888.234.159	15.056.943,98	10.220,41	1,50
40	01/03/2023	153.918.795.285	15.056.943,98	10.222,44	2,03
41	02/03/2023	153.935.611.463	15.056.943,98	10.223,56	1,12
42	05/03/2023	154.000.245.952	15.056.943,98	10.227,85	4,29
43	06/03/2023	154.061.154.966	15.056.943,98	10.231,90	4,05
44	07/03/2023	154.049.601.617	15.056.943,98	10.231,13	(0,77)
45	08/03/2023	154.032.150.157	15.056.943,98	10.229,97	(1,16)
46	09/03/2023	154.109.552.353	15.056.943,98	10.235,11	5,14
47	12/03/2023	154.187.992.708	15.056.943,98	10.240,32	5,21
48	13/03/2023	154.193.909.191	15.056.943,98	10.240,71	0,39
49	14/03/2023	154.124.941.065	15.056.943,98	10.236,13	(4,58)
50	15/03/2023	154.252.753.510	15.056.943,98	10.244,62	8,49
51	16/03/2023	154.263.209.284	15.056.943,98	10.245,31	0,69
52	19/03/2023	154.370.721.621	15.056.943,98	10.252,46	7,15
53	20/03/2023	154.431.367.319	15.056.943,98	10.256,48	4,02
54	21/03/2023	154.412.768.921	15.056.943,98	10.255,25	(1,23)
55	22/03/2023	154.413.288.865	15.056.943,98	10.255,28	0,03
56	23/03/2023	154.480.738.690	15.056.943,98	10.259,76	4,48
57	26/03/2023	154.532.661.381	15.056.943,98	10.263,21	3,45
58	27/03/2023	154.602.547.480	15.056.943,98	10.267,85	4,64
59	28/03/2023	154.646.917.190	15.056.943,98	10.270,80	2,95
60	29/03/2023	154.680.969.306	15.056.943,98	10.273,06	2,26
61	30/03/2023	154.718.478.639	15.056.943,98	10.275,55	2,49
62	31/03/2023	154.716.225.064	15.056.943,98	10.275,40	(0,15)
63	02/04/2023	154.773.696.238	15.056.943,98	10.279,22	3,82
64	03/04/2023	154.807.630.298	15.056.943,98	10.281,47	2,25
65	04/04/2023	154.894.735.848	15.057.137,52	10.287,13	5,66
66	05/04/2023	154.843.002.112	15.057.234,23	10.283,62	(3,51)
67	06/04/2023	154.840.072.934	15.057.234,23	10.283,43	(0,19)
68	09/04/2023	154.935.306.203	15.057.814,77	10.289,36	5,93
69	10/04/2023	155.009.345.640	15.057.911,47	10.294,21	4,85
70	11/04/2023	155.046.797.004	15.058.588,05	10.296,23	2,02

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
71	12/04/2023	155.072.047.254	15.058.829,63	10.297,74	1,51
72	13/04/2023	155.149.950.745	15.058.829,63	10.302,92	5,18
73	16/04/2023	155.150.654.755	15.058.829,63	10.302,96	0,04
74	17/04/2023	155.276.552.894	15.058.829,63	10.311,32	8,36
75	18/04/2023	155.288.206.479	15.058.926,12	10.312,03	0,71
76	19/04/2023	155.305.723.035	15.058.916,12	10.313,20	1,17
77	20/04/2023	156.334.938.210	15.155.394,41	10.315,46	2,26
78	23/04/2023	156.405.106.757	15.155.280,23	10.320,17	4,71
79	24/04/2023	156.448.674.537	15.155.569,46	10.322,85	2,68
80	25/04/2023	156.451.618.753	15.155.569,46	10.323,04	0,19
81	26/04/2023	156.471.582.908	15.155.665,84	10.324,29	1,25
82	27/04/2023	156.512.232.115	15.155.665,84	10.326,97	2,68
83	30/04/2023	156.534.714.615	15.156.147,58	10.328,13	1,16
84	03/05/2023	156.629.579.044	15.156.147,58	10.334,39	6,26
85	04/05/2023	156.739.022.705	15.156.147,58	10.341,61	7,22
86	07/05/2023	156.817.437.157	15.156.493,94	10.346,55	4,94
87	08/05/2023	156.849.125.230	15.156.493,94	10.348,64	2,09
88	09/05/2023	156.909.718.667	15.156.493,94	10.352,63	3,99
89	10/05/2023	156.922.160.998	15.156.590,05	10.353,39	0,76
90	11/05/2023	157.010.057.624	15.156.782,25	10.359,06	5,67
91	14/05/2023	157.085.802.593	15.156.974,35	10.363,92	4,86
92	15/05/2023	157.118.542.538	15.156.974,35	10.366,08	2,16
93	16/05/2023	157.137.505.963	15.156.974,35	10.367,33	1,25
94	17/05/2023	157.060.534.643	15.156.974,35	10.362,26	(5,07)
95	18/05/2023	157.054.511.176	15.156.974,35	10.361,86	(0,40)
96	21/05/2023	157.162.066.676	15.156.974,35	10.368,96	7,10
97	22/05/2023	157.175.630.787	15.156.974,35	10.369,85	0,89
98	23/05/2023	157.150.960.013	15.156.974,35	10.368,22	(1,63)
99	24/05/2023	157.188.448.036	15.157.454,18	10.370,37	2,15
100	25/05/2023	157.218.893.474	15.157.454,18	10.372,38	2,01
101	28/05/2023	157.266.888.780	15.157.454,18	10.375,54	3,16
102	29/05/2023	157.306.251.836	15.157.454,18	10.378,14	2,60
103	30/05/2023	157.379.187.853	15.157.645,92	10.382,82	4,68
104	31/05/2023	157.427.369.363	15.157.645,92	10.386,00	3,18
105	01/06/2023	157.490.384.373	15.157.741,72	10.390,09	4,09
106	04/06/2023	157.592.776.714	15.157.741,72	10.396,85	6,76
107	05/06/2023	157.692.869.830	15.157.741,72	10.403,45	6,60
108	06/06/2023	157.718.696.815	15.157.741,72	10.405,15	1,70
109	07/06/2023	157.745.466.436	15.157.741,72	10.406,92	1,77
110	08/06/2023	157.775.717.728	15.158.076,33	10.408,69	1,77
111	11/06/2023	157.855.816.261	15.158.076,33	10.413,97	5,28
112	12/06/2023	157.890.929.563	15.158.076,33	10.416,29	2,32
113	13/06/2023	157.914.958.168	15.157.980,28	10.417,94	1,65
114	14/06/2023	157.941.722.412	15.157.980,28	10.419,70	1,76
115	15/06/2023	157.964.152.957	15.157.980,28	10.421,18	1,48
116	18/06/2023	158.042.370.813	15.157.980,28	10.426,34	5,16
117	19/06/2023	158.074.730.333	15.158.075,71	10.428,41	2,07
118	20/06/2023	158.104.809.659	15.158.171,12	10.430,33	1,92
119	21/06/2023	158.123.504.634	15.158.171,12	10.431,56	1,23
120	22/06/2023	158.265.795.369	15.158.266,50	10.440,89	9,33

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/Đơn vị Quỹ VND
121	25/06/2023	158.368.086.031	15.158.266,50	10.447,63	6,74
122	26/06/2023	158.398.671.506	15.158.266,50	10.449,65	2,02
123	27/06/2023	158.381.388.168	15.158.456,74	10.448,38	(1,27)
124	28/06/2023	158.442.387.752	15.158.456,74	10.452,40	4,02
125	29/06/2023	158.476.566.267	15.158.456,74	10.454,66	2,26
126	30/06/2023	158.506.501.305	15.158.456,74	10.456,63	1,97

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 155.264.106.894

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất 18,30

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất 0,03

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chứng chỉ quỹ)
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành đến 1 năm	80.795,00	120.262,20
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành trên 1 năm	14.963.876,07	15.055.704,88
	15.044.671,07	15.175.967,08

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,55	1,57
Tốc độ vòng quay danh mục	54,50	31,08

19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong kỳ (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính bán niên, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 128.708.638.006 đồng. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 12.870.863.800 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 12.870.863.800 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

20.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	115.599.451	115.599.451	12.003.453.457	12.003.453.457
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	115.599.451	115.599.451	12.003.453.457	12.003.453.457
Các khoản đầu tư	163.510.079.098	163.510.079.098	147.536.336.723	147.536.336.723
- Trái phiếu	143.710.079.098	143.710.079.098	107.836.336.723	107.836.336.723
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	19.800.000.000	19.800.000.000	39.700.000.000	39.700.000.000
Các khoản phải thu	5.204.680.179	5.204.680.179	5.072.135.952	5.072.135.952
	168.830.358.728	168.830.358.728	164.611.926.132	164.611.926.132
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	33.340.898	33.340.898	469.182	469.182
Chi phí phải trả	83.972.156	83.972.156	89.300.000	89.300.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.000.187	1.000.187	187	187
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	990.906	990.906	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	335.266.430	335.266.430	191.473.871	191.473.871
Phải trả, phải nộp khác	4.972.633	4.972.633	-	-
	459.543.210	459.543.210	281.243.240	281.243.240

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý quỹ mở	832.911.240	769.674.046
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao	54.000.000	54.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập từ lãi tiền gửi có kỳ hạn Thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi	823.054.200 -	591.221.122 579.945.147

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	282.866.430	139.073.871
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao	24.300.000	24.300.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000 728.767.151	29.700.000.000 1.565.046.650



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
 (tiếp theo)

22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	2.305.389,42	15,32	2.491.315,10	16,42
Bên liên quan khác		4.533,88	0,03	4.473,29	0,03
		2.309.923,30	15,35	2.495.788,39	16,45

22.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 7.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và phí dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 100.000 đồng/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 đồng/ngày giao dịch và công thức tính là 0,01% giá trị giao dịch. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	90.000.000	90.000.000
Phí dịch vụ giám sát	46.200.000	46.200.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.556.621	552.552.813
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.714.329	4.070.995
Phí ngân hàng	253.000	2.817.868

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam VCAM-NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC
(tiếp theo)

22.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi thanh toán	114.599.451	12.003.452.536
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	7.700.000	7.700.000
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua CCQ	1.000.000	916
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua lại CCQ	-	5

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.


Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán quỹ


Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU
TƯ CHỨNG KHOÁN
BẢN VIỆT

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG
KHOÁN BẢN VIỆT
Date: 2024.08.14 18:45:07
+07'00'